TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:1164/2026/DS-PT
Ngày: 27/8/2026
Tranh chấp về quyền tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Giang.

Ông Phạm Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Phi Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1391/2026/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc: *"Tranh chấp về quyền tài sản do người chết để lại"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 255/2026/DS-ST, ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1396/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Võ Văn M, sinh năm: 1960. (Vắng mặt).

2. Bà Trác Thị Kim P, sinh năm: 1964. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: D hẻm I M, phường N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Trác Thành N, sinh năm: 1981. Địa chỉ: số A M, phường N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Kiều M1, sinh năm 1992. (Vắng mặt).

2. Cháu Võ Tấn P1, sinh ngày 21/02/2017. (Vắng mặt).

3. Cháu Võ Đức T, sinh ngày 25/6/2020. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau.

Người giám hộ cho cháu P1 và cháu T: Bà Võ Kiều M1. Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt).

4. Cháu Võ Văn T1, sinh năm 2010. (Vắng mặt).

Người giám hộ của cháu T1: Bà Nguyễn Ngọc Á. Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu nay là xã V, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trác Thành N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn là ông Võ Văn M và bà Trác Thị Kim P là cha mẹ ruột của ông Võ Văn T2, đã chết vào ngày 05/01/2022, ông M, bà P thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn T2. Ông T2 có cho bị đơn là ông Trác Thành N mượn số tiền là 500.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 15/03/2021 ông T2 chuyển khoản số tiền là 200.000.000 đồng qua tài khoản 0111000375895 của ông N tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N2.

- Ngày 02/06/2021 ông T2 chuyển khoản số tiền là 200.000.000 đồng và 100.000.000 đồng qua tài khoản 0111000375895 của ông N tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N2.

Ông M, bà P đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông N trả lại số tiền này cho ông T2. Nhưng ông N cố tình luôn né tránh nghĩa vụ trả tiền ông M, bà P. Nay ông M, bà P yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông N có trách nhiệm trả lại cho ông M, bà P và những người thừa kế tố tụng của ông T2 số tiền là 500.000.000 đồng.

* *Bị đơn trình bày:* Bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn không có nợ ông Võ Văn T2 con ruột của ông M, bà P số tiền 500.000.000 đồng. Đối với các khoản tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả, thực chất đây là số tiền khi còn sống ông T2 chuyển khoản số tiền 500.000.000 đồng cho bị đơn thực hiện các giao dịch của ông T2, cụ thể:

- Số tiền chuyển khoản 200.000.000 đồng ông T2 chuyển khoản cho bị đơn để thực hiện giao dịch với ông Võ Hồng P2, mục đích là cầm nhà của ông P2, sau khi ông T2 chết nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả tiền và hồ sơ cầm nhà của ông P2 cho nguyên đơn (bị đơn có ghi âm cuộc nói chuyện về việc trò chuyện giữa nguyên đơn là ông Võ Văn M, bà Trác Thị Kim P với bà Võ Thị T3, ông Võ Văn T4, ông Võ Văn T5, ông Võ Hồng P2 về vấn đề giao dịch cầm cố liên quan đến số tiền 200.000.000 đồng).

- Đối với số tiền 300.000.000 đồng ông T2 chuyển khoản cho bị đơn để tất toán Ngân hàng cho chủ đất là ông Nguyễn Trọng H. Vì vậy, tại phiên tòa bị đơn có đơn phản tố yêu cầu Tòa án triệu tập những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn T4, ông Võ Văn T5, ông Võ Hồng P2, bà Võ Kim T6, ông Nguyễn Trọng H để đối chất, làm sáng tỏ vụ án.

* Tại Bản án sơ thẩm số 255/2026/DS-ST, ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn M, bà Trác Thị Kim P.

Buộc bị đơn ông Trác Thành N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Võ Văn M, bà Trác Thị Kim P và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T2 gồm: Bà Võ Kiều M1 vợ ông T2, cháu Võ Đức P3, Võ Đức T là con của ông T2, có người giám hộ là bà Võ Kiều M1 và cháu Võ Văn T1 là con của ông T2, có người giám hộ là bà Nguyễn Ngọc Á số tiền 500.000.000 đồng.

Kể từ khi nguyên đơn, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T2 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 07/5/2026, bị đơn ông Trách Thành N1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy Bản án dân sự sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như người giám hộ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 tham gia phiên toà nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người trên.

[3]. Về quyền khởi kiện, thấy rằng ông Võ Văn T2 chết ngày 05/01/2022, theo tờ trình quan hệ nhân thân ông T2 có cha mẹ ruột là ông Võ Văn M và bà Trác Thị Kim P, vợ là Võ Kiều M1 có hai người con là Võ Đức Phát sinh ngày 21/02/2007, Võ Đức T sinh ngày 25/6/2020. Ngoài ra ông T2 còn có người con riêng tên Võ Đức T7 sinh ngày 04/01/2010. Như vậy đây là hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn T2 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà P, ông M khởi kiện yêu cầu bị đơn ông N1 trả số tiền 500.000.000 đồng lúc còn ông T2 sống ông T2 đã chuyển vào tài khoản của bị đơn ông Trác Thành N, vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là di sản theo quy định tại Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại Điều 614 của Bộ luật Dân sự quy định thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người thừa kế: "*Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*". Như vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp về quyền tài sản do người chết để lại*" cho đúng quy định pháp luật.

[5]. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận ông Võ Văn T2 có chuyển tiền vào tài khoản của bị đơn ông T8 Thành Nam hai lần là vào ngày 15/03/2021 ông T2 chuyển số tiền là 200.000.000 đồng và ngày 02/06/2021 ông T2 chuyển số tiền là 200.000.000 đồng và 100.000.000 đồng qua tài khoản 0111000375895 của ông N tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N2. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định là sự thật.

[6]. Xét kháng cáo của bị đơn, thấy rằng đối với cả hai lần chuyển tiền này ông N cho rằng ông T2 chuyển vô tài khoản của ông sau đó ông rút ra và giao lại cho ông T2 để cầm cố nhà của ông P2 và để làm hợp đồng đặt cọc. Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*", tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Như vậy việc bị đơn ông N phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình trong khi việc ông T2 chuyển vào tài khoản của ông hai lần với số tiền 500.000.000 đồng là sự thật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có cung cấp tờ giấy đứng tên Võ Kiều M1 xác nhận không biết và không nghe nói ông N có mượn tiền ông T2, như vậy là bà M1 không biết và không có nghe nói.

[7]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[8]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trác Thành N về việc sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy Bản án dân sự sơ thẩm.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 255/2026/DS-ST, ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trác Thành N phải chịu 300.000 đồng, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008885 ngày 07/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy ông N đã nộp xong án phí.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Quốc Định